

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày 10-8-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Hồng Vân

Ông Lê Văn Vinh

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1970; nơi ĐKKHKT: Số 17, B59, T5, Tổ 6, phường T, quận H, thành phố H; nơi cư trú: Ngách 40/213 đường T, phường V, quận L, thành phố H; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1968; nơi ĐKKHKT và cư trú: Số 17, B59, T5, Tổ 6, phường T, quận H, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị K trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn M kết hôn với nhau vào năm 1991, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, đến tháng 12/2002 mới thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường C, quận N (nay là quận H), thành phố H. Quá trình chung

sống vợ chồng chị K và anh M hòa thuận hạnh phúc được một thời gian dài, cho đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, hơn nữa anh M mắc nghiện ma túy, chị K đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh M không thay đổi mà vẫn tiếp tục. Mâu thuẫn hai vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không cải thiện được mà ngày càng căng thẳng hơn. Từ năm 2017 cho đến nay, chị và anh M đã sống ly thân, chị về mẹ đẻ sinh sống, không còn quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, nên chị K có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị K xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Hoàng Thị Mai P, sinh ngày 06/3/1992 và Hoàng Văn A, sinh ngày 04/3/1998, hiện hai cháu Hoàng Thị M và Hoàng V đều đã trưởng thành và có gia đình riêng, nên chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị K xác nhận vợ chồng có tài sản chung và không có vay nợ chung, ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bị đơn là anh Hoàng Văn M đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, tiến hành tổ chức phiên tiếp cận chứng cứ, hòa giải và các văn bản tố tụng khác nhưng anh Hoàng Văn M đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; Bị đơn đã không chấp hành qui định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án trên cơ sở đánh giá, phân tích về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình, tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là Anh Hoàng Văn M đang cư trú tại số 17, B59, T5, Tổ 6, phường T, quận H, thành phố

H. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Hoàng Văn M vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Xét chị Nguyễn Thị K và anh Hoàng Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận N (nay là quận H), thành phố Hải Phòng vào tháng 12/2002. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa chị K, anh M là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, kinh tế dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, hơn nữa anh M mắc nghiện ma túy chị K đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh M không thay đổi mà vẫn tiếp tục. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay, trong thời gian ly thân hai bên không còn quan tâm đến nhau mặc dù đã được người thân hai bên gia đình hòa giải. Tài liệu xác M thể hiện anh M biết rõ việc chị Nguyễn Thị K xin ly hôn anh. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các quyết định tố tụng để anh M có mặt trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị K, nhưng anh M vắng mặt không có lý do. Đến ngày 27/6/2018 trong giai đoạn Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử, theo chị K cung cấp được biết anh M bị đoàn liên ngành thành phố H thu gom đối tượng nghiện ma túy lang thang đưa vào cơ sở cai nghiện số 2 (Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện T, thành phố H) để điều trị. Tòa án nhân dân quận H hoãn phiên tòa và đã có buổi làm việc với anh M tại cơ sở cai nghiện. Anh M xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị K và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Kết quả xác M tại chính quyền địa phương và gia đình thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh M phù hợp với lời khai của chị K. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh M đã trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị K, anh M về việc ly hôn.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Hoàng Văn M xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Hoàng Thị Mai P, sinh ngày 06/3/1992 và Hoàng Văn A, sinh ngày 04/3/1998, hiện hai cháu Hoàng Thị Mai P và Hoàng Văn A đều đã trưởng thành và có gia đình riêng, nên chị K, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị K, anh M khai vợ chồng có tài sản chung, không có vay nợ chung và cùng có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Hoàng Văn M.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Hoàng Văn M xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Hoàng Thị Mai P, sinh ngày 06/3/1992 và Hoàng Vân A, sinh ngày 04/3/1998, hiện hai cháu Hoàng Thị Mai P và Hoàng Vân A đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên chị K, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị K, anh M khai vợ chồng có tài sản chung, không có vay nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị K đã nộp số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí kí hiệu: AA/2014 số 0016170 ngày 23/3/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị K đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị K có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Hoàng Văn M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Cát Bi, quận Hải An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đức Hoàng